xiǎng rù fēi fēi

想入非非

idiom (verb phrase) · indulge in fantasy, daydream

Example Sentences

tā shàng kè shí zǒng xiǎng rù fēi fēi
他 上 课时 总 想 入非非。

He always daydreams in class.

bié xiǎng rù fēi fēi le hái shì jiǎo tà shí dì gōng zuò ba
别 想 入非非了，还是脚踏实地 工 作吧。

Stop daydreaming, just work down to earth.

Trace each character, then write the word on your own.

想 想 想 想 想 想 想 想 想 想 想

想 想 想 想 想

入 入 入 入 入

非 非 非 非 非 非 非 非 非 非 非

非 非 非 非 非 非 非 非 非 非 非